CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN MỨC ĐỘ ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN NĂM THỨ 4 TẠI HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Bùi Thị Lan Anh; Hoàng Thị Thu Hằng; Nguyễn Thị Tuyết Trinh; Nguyễn Thị Ngọc Tú; Đỗ Thị Thanh Xuân
Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam
Email: lanem79vatm@gmail.com

Tóm tắt: *Nghiên cứu nhằm phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong học tập của sinh viên năm thứ 4 tại Học viện Y Dược học Cổ truyền Việt Nam. Nghiên cứu định lượng với thiết kế mô tả cắt ngang có phân tích được thực hiện trên 310 sinh viên thuộc các ngành Y học cổ truyền, Y khoa và Dược. Dữ liệu được thu thập bằng bảng hỏi cấu trúc, tập trung vào thực trạng sử dụng AI, hiểu biết về AI, nhận thức và chấp nhận AI, rào cản sử dụng AI và nhu cầu đào tạo. Kết quả cho thấy AI đã được sinh viên sử dụng khá phổ biến; chỉ 1,0% chưa từng sử dụng AI, 42,6% sử dụng thường xuyên từ 1 đến 3 giờ mỗi tuần và 13,9% sử dụng hằng ngày. Sinh viên chủ yếu dùng AI để tìm kiếm thông tin chuyên ngành, giải thích thuật ngữ y học, tóm tắt tài liệu, dịch thuật và hỗ trợ tự học. Các thang đo đạt độ tin cậy cao với Cronbach's Alpha từ 0,915 đến 0,954. Phân tích nhân tố khám phá xác định ba nhóm yếu tố: hiểu biết về AI, nhận thức và chấp nhận AI, rào cản sử dụng AI. Mô hình hồi quy tuyến tính đa biến giải thích được 35,0% sự biến thiên của mức độ ứng dụng AI trong học tập; trong đó, nhận thức và chấp nhận AI là yếu tố ảnh hưởng mạnh nhất, tiếp theo là hiểu biết về AI, còn rào cản sử dụng AI chưa có ý nghĩa thống kê. Nghiên cứu đề xuất tăng cường đào tạo năng lực AI học thuật, lồng ghép nội dung AI vào chương trình học và xây dựng hướng dẫn sử dụng AI an toàn, hiệu quả trong giáo dục y dược.*

Từ khóa: *trí tuệ nhân tạo; AI trong học tập; sinh viên y dược; mô hình TAM; Học viện Y Dược học Cổ truyền Việt Nam.*

FACTORS INFLUENCING THE LEVEL OF ARTIFICIAL INTELLIGENCE APPLICATION IN LEARNING AMONG FOURTH-YEAR STUDENTS AT VIETNAM UNIVERSITY OF TRADITIONAL MEDICINE

Abstract: *This study analyzed factors influencing the level of artificial intelligence (AI) application in learning among fourth-year students at Vietnam University of Traditional Medicine. A quantitative cross-sectional analytical design was conducted with 310 students majoring in Traditional Medicine, General Medicine and Pharmacy. Data were collected using a structured questionnaire covering AI use, AI literacy, AI acceptance, barriers and training needs. The findings showed that AI had been widely adopted; only 1.0% had never used AI, while 42.6% used it regularly for 1-3 hours per week and 13.9% used it daily. The main purposes were searching for specialized information, explaining medical terms, summarizing materials, translation and self-learning support. The scales demonstrated high reliability, with Cronbach's Alpha values from 0.915 to 0.954. Exploratory factor analysis identified three constructs: AI literacy, AI acceptance and barriers to AI use. The regression model explained 35.0% of the variance in AI application level. AI acceptance was the strongest predictor, followed by AI literacy, whereas barriers were not statistically significant. The study highlights the need for academic AI training, curriculum integration and guidelines for safe and responsible AI use in medical and pharmaceutical education.*

Keywords: *artificial intelligence; AI in learning; medical students; technology acceptance model; Vietnam University of Traditional Medicine*

Nhận bài: 15/05/2026 *Phản biện: 15/06/2026* *Duyệt đăng: 19/06/2026*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trí tuệ nhân tạo đang trở thành một trong những công nghệ có tác động mạnh mẽ đến giáo dục đại học, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số và sự phát triển nhanh chóng của các nền tảng AI tạo sinh. Các công cụ như ChatGPT, Gemini, Microsoft Copilot, Claude hoặc NotebookLM đã tạo ra những thay đổi rõ rệt trong cách người học tiếp cận tri thức, xử lý thông tin, tự học, viết học thuật và nghiên cứu khoa học. Trong giáo dục đại học, AI không chỉ đóng vai trò là công cụ hỗ trợ tra cứu mà còn dần trở thành "gia sư số" giúp cá nhân hóa quá trình học tập, hỗ trợ phản hồi nhanh và mở rộng khả năng tiếp cận tài liệu học thuật.

Đối với lĩnh vực y dược, AI có ý nghĩa đặc biệt quan trọng do đặc thù đào tạo gắn với khối lượng kiến thức lớn, yêu cầu cập nhật liên tục, khả năng tư duy lâm sàng, phân tích dữ liệu và ra quyết định dựa trên bằng chứng. Sinh viên y dược hiện nay có thể sử dụng AI để giải thích thuật ngữ chuyên môn, tóm tắt giáo trình, dịch tài liệu quốc tế, tạo câu hỏi ôn tập, phân tích dữ liệu nghiên cứu và mô phỏng tình huống học tập. Tuy nhiên, cùng với cơ hội, việc ứng dụng AI trong học tập cũng đặt ra nhiều thách thức liên quan đến độ chính xác của thông tin, hiện tượng "ảo giác AI", nguy cơ đạo văn, lệ thuộc công nghệ, bảo mật dữ liệu và liêm chính học thuật.

Các nghiên cứu quốc tế cho thấy sinh viên y khoa nhìn chung có thái độ tích cực đối với AI, song mức độ hiểu biết sâu về công nghệ, khả năng đánh giá phê phán thông tin do AI tạo ra và năng lực sử dụng AI có trách nhiệm vẫn còn hạn chế. Mô hình chấp nhận công nghệ, đặc biệt là TAM, thường được sử dụng để lý giải hành vi tiếp nhận và sử dụng công nghệ của người học, trong đó các yếu tố như nhận thức về tính hữu ích, tính dễ sử dụng, thái độ, ý định sử dụng và hiểu biết công nghệ có ảnh hưởng đáng kể đến hành vi ứng dụng AI.

Tại Việt Nam, các nghiên cứu về AI trong giáo dục đại học đang gia tăng, song các bằng chứng trong đào tạo y dược, đặc biệt trong môi trường đào tạo y học cổ truyền, vẫn còn tương đối hạn chế. Phần lớn nghiên cứu mới dừng ở mô tả thực trạng, nhận thức hoặc thái độ của người học, chưa phân tích đồng thời các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ ứng dụng AI trong học tập dựa trên mô hình lý thuyết phù hợp.

Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam là cơ sở đào tạo đặc thù trong lĩnh vực y dược và y học cổ truyền. Trong bối cảnh Học viện đang thúc đẩy chuyển đổi số trong đào tạo, việc đánh giá mức độ ứng dụng AI của sinh viên và các yếu tố ảnh hưởng là cần thiết nhằm cung cấp cơ sở khoa học cho việc xây dựng chương trình đào tạo, thiết kế hoạt động tập huấn và định hướng sử dụng AI một cách an toàn, hiệu quả. Vì vậy, nghiên cứu này được thực hiện với mục tiêu: mô tả thực trạng ứng dụng AI trong học tập và phân tích một số yếu tố ảnh hưởng đến mức độ ứng dụng AI trong học tập của sinh viên năm thứ 4 tại Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện theo phương pháp định lượng với thiết kế mô tả cắt ngang có phân tích. Thiết kế này phù hợp nhằm mô tả thực trạng sử dụng AI trong học tập, đồng thời phân tích mối liên quan và mức độ ảnh hưởng của một số yếu tố đến hành vi ứng dụng AI của sinh viên.

2.2. Đối tượng và địa điểm nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: SV năm thứ 4 thuộc ba ngành đào tạo: Y học cổ truyền, Y khoa và Dược học. Việc lựa chọn SV năm thứ 4 nhằm đảm bảo đối tượng đã có đủ trải nghiệm học thuật và năng lực tự học để sử dụng các công cụ công nghệ trong nghiên cứu và thực hành lâm sàng.

Địa điểm và thời gian: Nghiên cứu được triển khai tại Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam từ năm 2025 đến năm 2026.

2.3. Tiêu chuẩn lựa chọn và loại trừ

Sinh viên được lựa chọn khi đáp ứng các tiêu chuẩn: là sinh viên năm thứ 4 thuộc một trong ba ngành Y học cổ truyền, Y khoa hoặc Dược; đồng ý tham gia nghiên cứu; có khả năng trả lời đầy đủ bộ câu hỏi khảo sát. Các trường hợp bị loại trừ gồm sinh viên từ chối tham gia, phiếu khảo sát không hoàn thành đầy đủ hoặc có dấu hiệu trả lời không hợp lệ.

2.4. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu

Cỡ mẫu được tính theo công thức Cochran dành cho nghiên cứu mô tả cắt ngang và được hiệu chỉnh theo quy mô tổng thể sinh viên năm thứ 4 của Học viện. Cỡ mẫu tối thiểu cần thiết là 276 sinh viên. Trên thực tế, nghiên cứu thu thập được 310 phiếu khảo sát hợp lệ, đáp ứng yêu cầu cỡ mẫu cho các phân tích thống kê.

2.5. Công cụ thu thập dữ liệu

Nghiên cứu sử dụng bộ câu hỏi tự thiết kế dựa trên mục tiêu nghiên cứu, tổng quan tài liệu và mô hình chấp nhận công nghệ TAM. Bộ câu hỏi gồm các phần chính: thông tin chung; thực trạng ứng dụng AI trong học tập; hiểu biết về AI; nhận thức và chấp nhận AI; rào cản trong sử dụng AI; nhu cầu đào tạo AI.

Các biến quan sát được đánh giá bằng thang đo Likert 5 mức độ, từ 1 là "hoàn toàn không đồng ý" đến 5 là "hoàn toàn đồng ý".

2.6. Mô hình và giả thuyết nghiên cứu

Nghiên cứu đề xuất mô hình gồm:

Biến phụ thuộc: mức độ ứng dụng AI trong học tập.

Biến độc lập: hiểu biết về AI; nhận thức và chấp nhận AI; rào cản sử dụng AI.

Các giả thuyết nghiên cứu gồm:

H1: Hiểu biết về AI ảnh hưởng đến mức độ ứng dụng AI trong học tập của sinh viên.

H2: Nhận thức và chấp nhận AI ảnh hưởng đến mức độ ứng dụng AI trong học tập của sinh viên.

H3: Rào cản sử dụng AI ảnh hưởng đến mức độ ứng dụng AI trong học tập của sinh viên.

2.7. Phương pháp phân tích dữ liệu

Dữ liệu được mã hóa và xử lý bằng phần mềm SPSS. Các phương pháp phân tích bao gồm: thống kê mô tả bằng tần số, tỷ lệ phần trăm, giá trị trung bình và độ lệch chuẩn; kiểm định độ tin cậy thang đo bằng Cronbach's Alpha; phân tích nhân tố khám phá EFA; phân tích tương quan Pearson; hồi quy tuyến tính đa biến; kiểm định Independent

Samples T-test và One-way ANOVA. Ngưỡng ý nghĩa thống kê được xác định ở mức $p < 0,05$.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện trên 310 sinh viên năm thứ 4. Trong đó, sinh viên ngành Y học cổ truyền chiếm tỷ lệ cao nhất với 147 sinh viên (47,4%); tiếp theo là ngành Y khoa với 96 sinh viên (31,0%); ngành Dược có 67 sinh viên (21,6%). Về giới tính, nữ chiếm 69,0% và nam chiếm 31,0%. Phần lớn sinh viên chưa từng tham gia tập huấn về AI, chiếm 87,7%; chỉ 6,5% đã tham gia tập huấn tại Học viện và 5,8% tham gia tập huấn ngoài Học viện.

Bảng 1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm	Đối tượng	Số lượng	Tỷ lệ %
Ngành học	Ngành Y học cổ truyền	147	47,4
	Ngành Y khoa	96	31,0
	Ngành Dược	67	21,6
Giới tính	Nam	96	31,0
	Nữ	214	69,0
Tình trạng tập huấn AI	Chưa từng tập huấn AI	272	87,7
	Tập huấn AI tại Học viện	20	6,5
	Tập huấn AI ngoài Học viện	18	5,8

3.2. Thực trạng ứng dụng AI trong học tập của sinh viên

Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn sinh viên có mức độ tự tin khi sử dụng AI ở mức trung bình, chiếm 59,0%. Tỷ lệ sinh viên tự đánh giá mức độ tự tin khá và cao lần lượt là 26,5% và 7,7%. Nhóm có mức độ tự tin thấp và rất thấp chỉ chiếm 6,8%. Điều này cho thấy sinh viên đã có sự tiếp cận nhất định với AI, tuy nhiên mức độ thành thạo và khả năng khai thác hiệu quả AI chưa thực sự nổi bật.

Về tần suất sử dụng, 42,6% sinh viên sử dụng AI thường xuyên từ 1-3 giờ/tuần; 35,2% sử dụng thỉnh thoảng từ 1-3 giờ/tháng; 13,9% sử dụng AI hằng ngày. Chỉ 1,0% sinh viên cho biết chưa từng sử dụng AI trong học tập.

Bảng 2. Mức độ tự tin và tần suất sử dụng AI trong học tập

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ %
Mức độ tự tin khi sử dụng AI:		
Rất thấp	4	1,3
Thấp	17	5,5
Trung bình	183	59,0
Khá	82	26,5
Cao	24	7,7
Tần suất sử dụng AI:		
Chưa bao giờ sử dụng	3	1,0
Hiếm khi, dưới 1 giờ/tháng	23	7,4
Thỉnh thoảng, 1-3 giờ/tháng	109	35,2
Thường xuyên, 1-3 giờ/tuần	132	42,6
Hằng ngày, trên 1 giờ/ngày	43	13,9

Về thiết bị sử dụng, điện thoại thông minh là phương tiện phổ biến nhất để sinh viên truy cập AI (92,3%), tiếp theo là máy tính xách tay (48,7%). Các thiết bị khác như máy tính bảng (20,3%), máy tính để bàn (9,0%) và thiết bị khác (1,3%) có tỷ lệ thấp hơn, phản ánh xu hướng học tập linh hoạt trên nền tảng di động.

Sinh viên chủ yếu sử dụng AI để tìm kiếm kiến thức chuyên ngành (44,8% sử dụng thường xuyên), giải thích thuật ngữ và bệnh học (39,7%), tóm tắt tài liệu (34,2%) và dịch tài liệu chuyên ngành (31,6%). Trong khi đó, các hoạt động học

thuật chuyên sâu như viết bài tập, báo cáo hoặc hỗ trợ mô phỏng lâm sàng có tỷ lệ sử dụng thường xuyên thấp hơn (31,6–34,5%), cho thấy AI chủ yếu được xem là công cụ hỗ trợ tra cứu và tự học hơn là thay thế các nhiệm vụ học thuật.

3.3. Mức độ hiểu biết, nhận thức, thái độ và rào cản trong ứng dụng AI

Kết quả thống kê mô tả cho thấy mức độ hiểu biết về AI của sinh viên đạt giá trị trung bình 3,03 ± 0,70, phản ánh mức hiểu biết ở ngưỡng trung bình. Nhận thức về tính hữu ích của AI đạt 3,47 ± 0,70; nhận thức về tính dễ sử dụng đạt 3,45 ± 0,72; thái độ đối với AI đạt 3,46 ± 0,71; ý định sử dụng AI đạt 3,48 ± 0,71. Các rào cản trong sử dụng AI cũng được ghi nhận ở mức tương đối đáng kể, với Mean = 3,28 ± 0,71.

Bảng 3. Thống kê mô tả các biến nghiên cứu

Biến nghiên cứu	Mean	SD
Hiểu biết về AI	3,03	0,70
Nhận thức tính hữu ích của AI	3,47	0,70
Nhận thức tính dễ sử dụng AI	3,45	0,72
Thái độ đối với AI	3,46	0,71
Ý định sử dụng AI	3,48	0,71
Rào cản sử dụng AI	3,28	0,71

Kết quả này cho thấy sinh viên có xu hướng đánh giá tích cực về AI, đặc biệt ở khía cạnh tính hữu ích, tính dễ sử dụng và ý định tiếp tục sử dụng. Tuy nhiên, hiểu biết nền tảng về AI vẫn chưa cao, cho thấy khoảng cách giữa việc sử dụng AI và năng lực làm chủ AI trong học tập.

3.4. Nhu cầu đào tạo AI của sinh viên

Sinh viên có nhu cầu tương đối rõ rệt đối với các nội dung đào tạo liên quan đến AI. Giá trị trung bình của các nội dung đào tạo dao động từ 3,44 đến 3,53 điểm. Trong đó, nhu cầu cao nhất là đào tạo kỹ năng an toàn và bảo mật dữ liệu khi sử dụng AI, với Mean = 3,53 ± 0,75. Các nội dung như đào tạo cách sử dụng công cụ AI trong học tập, ứng dụng AI trong mô phỏng ca bệnh, mô phỏng học tập và bệnh nhân ảo bằng công nghệ VR/AR đều đạt Mean = 3,49.

3.5. Kiểm định độ tin cậy thang đo và phân tích nhân tố khám phá

Kết quả kiểm định Cronbach's Alpha cho thấy tất cả thang đo đều đạt độ tin cậy cao. Thang đo hiểu biết về AI gồm 8 biến quan sát, Cronbach's Alpha = 0,954. Các thang đo thuộc nhóm nhận thức và chấp nhận AI gồm nhận thức tính hữu ích, nhận thức tính dễ sử dụng, thái độ và ý định sử dụng có Cronbach's Alpha dao động từ 0,915 đến 0,944. Thang đo rào cản sử dụng AI gồm 9 biến quan sát, Cronbach's Alpha = 0,948. Hệ số tương quan biến - tổng hiệu chỉnh của các thang đo đều vượt ngưỡng 0,3, cho thấy các thang đo có mức độ nhất quán nội tại cao.

Kết quả phân tích EFA cho thấy chỉ số KMO đạt 0,934, chứng tỏ dữ liệu phù hợp để phân tích nhân tố. Kiểm định Bartlett's Test có Chi-square = 9764,786; df = 351; $p < 0,001$, cho thấy các biến quan sát có tương quan tuyến tính đủ mạnh để tiến hành phân tích nhân tố. Ba nhân tố được rút trích với Eigenvalue lớn hơn 1, tổng phương sai trích đạt 77,102%. Kết quả này cho thấy cấu trúc thang đo phù hợp với mô hình nghiên cứu đề xuất, bao gồm nhóm chấp nhận AI, nhóm rào cản sử dụng AI và nhóm hiểu biết về AI.

3.6. Phân tích tương quan và các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ ứng dụng AI trong học tập

Kết quả phân tích tương quan Pearson cho thấy mức độ ứng dụng AI trong học tập có tương quan thuận với cả ba biến độc lập. Cụ thể, mức độ ứng dụng AI tương quan với hiểu biết về AI ở mức $r = 0,435$; $p < 0,01$; tương quan với chấp nhận AI ở mức $r = 0,555$; $p < 0,01$; tương quan với rào cản sử dụng AI ở mức $r = 0,317$; $p < 0,01$. Trong đó, chấp nhận AI có mối tương quan mạnh nhất với mức độ ứng dụng AI trong học tập.

Kết quả hồi quy tuyến tính đa biến cho thấy mô hình có ý nghĩa thống kê với $F = 54,927$; $p < 0,001$. Hệ số $R = 0,592$; $R^2 = 0,350$ và R^2 hiệu chỉnh = 0,344. Như vậy, các biến độc lập trong mô hình giải thích được khoảng 35,0% sự biến thiên của mức độ ứng dụng AI trong học tập của sinh viên. Chỉ số Durbin-Watson = 2,115, cho thấy không có hiện tượng tự tương quan nghiêm trọng. Các giá trị VIF dao động từ 1,279 đến 1,417, chứng tỏ không có hiện tượng đa cộng tuyến đáng kể trong mô hình.

Phương trình hồi quy chưa chuẩn hóa được xác định như sau:

Y=0,767+0,224X1 + 0,464X2 + 0,055X3

Trong đó:

Y: Mức độ ứng dụng AI trong học tập của SV;

X1: Hiểu biết về AI;

X2: Nhận thức và chấp nhận AI;

X3: Rào cản sử dụng AI

Kết quả cho thấy có hai yếu tố ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê đến mức độ ứng dụng AI trong học tập của sinh viên, gồm hiểu biết về AI và nhận thức/chấp nhận AI. Trong đó, nhận thức và chấp nhận AI là yếu tố ảnh hưởng mạnh nhất với Beta chuẩn hóa = 0,432; p < 0,001. Hiểu biết về AI cũng có ảnh hưởng thuận chiều với Beta = 0,215; p < 0,001. Rào cản sử dụng AI không có ý nghĩa thống kê trong mô hình, với p = 0,303.

3.7. Sự khác biệt về mức độ ứng dụng AI theo một số đặc điểm cá nhân

Kết quả kiểm định cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về mức độ ứng dụng AI theo giới tính, ngành học và tình trạng tập huấn AI. Cụ thể, mức độ ứng dụng AI của sinh viên nam là 3,25 ± 0,84 và nữ là 3,23 ± 0,67, p = 0,808. Theo ngành học, mức độ ứng dụng AI trung bình của sinh viên Y học cổ truyền, Y khoa và Dược lần lượt là 3,26; 3,14 và 3,30, p = 0,322. Theo tình trạng tập huấn AI, nhóm chưa từng tập huấn có Mean = 3,22; nhóm tập huấn tại Học viện có Mean = 3,36; nhóm tập huấn ngoài Học viện có Mean = 3,23, p = 0,736.

IV. BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy AI đã được sinh viên năm thứ 4 tại Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam sử dụng khá phổ biến trong học tập; 56,5% sinh viên sử dụng thường xuyên hoặc hằng ngày. AI chủ yếu hỗ trợ tra cứu kiến thức, giải thích thuật ngữ, tóm tắt tài liệu và tự học. Tuy nhiên, mức độ tự tin của sinh viên chỉ ở mức trung bình, phản ánh khoảng cách giữa việc biết sử dụng và sử dụng hiệu quả, đặc biệt trong lĩnh vực y dược vốn đòi hỏi độ chính xác cao.

Điện thoại thông minh là thiết bị truy cập AI phổ biến nhất, cho thấy xu hướng học tập linh hoạt nhưng cũng đặt ra yêu cầu phát triển học liệu số và hướng dẫn sử dụng AI phù hợp với từng nhiệm vụ học thuật.

Kết quả hồi quy cho thấy nhận thức và mức độ chấp nhận AI là yếu tố ảnh hưởng mạnh nhất đến việc ứng dụng AI, tiếp theo là hiểu biết về AI, trong khi rào cản sử dụng không có ý nghĩa thống kê. Đồng thời, không có sự khác biệt đáng kể theo giới tính, ngành học và tình trạng tập huấn AI, cho thấy AI đã được tiếp cận tương đối đồng đều.

Sinh viên có nhu cầu cao nhất về đào tạo an toàn và bảo mật dữ liệu khi sử dụng AI. Vì vậy, các cơ sở đào tạo cần tích hợp AI vào chương trình học theo hướng bài bản, kết hợp hướng dẫn sử dụng công cụ với kiến thức về kiểm chứng thông tin, đạo đức học thuật, bảo mật dữ liệu và ứng dụng AI trong học tập, nghiên cứu và thực hành y dược.

V. KẾT LUẬN

Nghiên cứu trên 310 sinh viên năm thứ 4 tại Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam cho thấy AI được sử dụng khá phổ biến trong học tập, chủ yếu qua điện thoại thông minh để tra cứu kiến thức, giải thích thuật ngữ, tóm tắt tài liệu, dịch thuật và ôn tập. Kết quả phân tích cho thấy nhận thức và mức độ chấp nhận AI là yếu tố ảnh hưởng mạnh nhất đến việc ứng dụng AI, tiếp theo là hiểu biết về AI; trong khi rào cản sử dụng không có ý nghĩa thống kê. Đồng thời, không có sự khác biệt đáng kể về mức độ sử dụng AI theo giới tính, ngành học hay tình trạng tập huấn AI. Nghiên cứu nhấn mạnh sự cần thiết của việc nâng cao nhận thức, thái độ tích cực và kiến thức nền tảng về AI để thúc đẩy sử dụng AI hiệu quả trong học tập.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Thủ tướng Chính phủ. Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 26/01/2021 ban hành Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030. Hà Nội; 2021.

Bộ Y tế. Quyết định số 4888/QĐ-BYT ngày 18/10/2019 phê duyệt Đề án ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin y tế thông minh giai đoạn 2019-2025. Hà Nội; 2019.

Davis FD. Perceived usefulness, perceived ease of use, and user acceptance of information technology. MIS Quarterly. 1989;13(3):319-340. doi:10.2307/249008.

Venkatesh V, Morris MG, Davis GB, Davis FD. User acceptance of information technology: toward a unified view. MIS Quarterly. 2003;27(3):425-478. doi:10.2307/30036540.

Masters K. Artificial intelligence in medical education. Medical Teacher. 2019;41(9):976-980. doi:10.1080/0142159X.2019.1595557.

Paranjape K, Schinkel M, Nannan Panday R, Car J, Nanayakkara P. Introducing artificial intelligence training in medical education. JMIR Medical Education. 2019;5(2):e16048. doi:10.2196/16048.

Sallam M. ChatGPT utility in healthcare education, research, and practice: systematic review on the promising perspectives and valid concerns. Healthcare. 2023;11(6):887. doi:10.3390/healthcare11060887.

Kasneci E, Sessler K, Küchemann S, Bannert M, Dementieva D, Fischer F, et al. ChatGPT for good? On opportunities and challenges of large language models for education. Learning and Individual Differences. 2023;103:102274. doi:10.1016/j.lindif.2023.102274.

World Health Organization. Ethics and governance of artificial intelligence for health: WHO guidance. Geneva: World Health Organization; 2021.